

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT

Ngày 25/01/2021

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài.

Các thẩm phán: Ông Đặng Phi Long và ông Phùng Lâm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLPT-DS ngày 09/10/2020 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay*” do bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/08/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai do nguyên đơn, bị đơn có kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm và Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai có kháng nghị đề nghị sửa bản án do xác định không đúng bị đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXPT-DS ngày 05/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐPT - DS ngày 17/12/2020 và Quyết định ngừng phiên tòa số 17/QĐPT – DS ngày 06/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Văn H; Bà: Đỗ Thị Quỳnh T;

Địa chỉ: SN 052, đường Lê Văn H, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Số 012, tổ 26, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T – Luật sư thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vimax Châu Á. Địa chỉ phòng 1009, tòa nhà 18T2, Khu T, đường Lê Văn L, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên HA(viết tắt TNHH-MTV HA),

Địa chỉ: Số 012, đường T, tổ 3, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H; Chức vụ Giám đốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh Q

Địa chỉ: Số 012, đường T, tổ 3, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2018 và các bản tự khai nguyên đơn ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T trình bày:

Ngày 08/3/2011, ông Nguyễn Anh Q chủ Doanh nghiệp tư nhân (viết tắt là DNTN H) có vay của ông H bà T số tiền 6.800.000.000 đồng để mua khách sạn Đ do ông Q là Giám đốc ký tên đóng dấu vào giấy vay tiền, thời hạn trả tiền là 08/9/2012. Khi vay tiền có ông Trần Việt C - nhân viên ngân hàng MHB Chi nhánh L làm chứng. Tổng số tiền gốc ông Q vay đã nhận của ông H là 6.800.000.000đ, tiền lãi do hai bên tự thỏa thuận.

Khi đến thời hạn trả nợ, ông H nhiều lần yêu cầu nhưng Doanh nghiệp tư nhân H đã không trả tiền đúng theo như thỏa thuận. Ngày 14/4/2013 ông Q đã viết giấy khất nợ nội dung khi nào bán được khách sạn sẽ trả hết số tiền nợ và trong thời gian chờ đợi thì hàng tháng DNTN H sẽ trả mỗi tháng 20.000.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng. Song DNTN H cũng không thực hiện. Ngày 23/4/2013, DNTN H đã chuyển đổi loại hình Doanh nghiệp thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, bổ sung thành viên Công ty mang tên Công ty TNHH hai thành viên HA(TNHH- HTV) và cho đến nay lại tiếp tục thay chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên HA(TNHH-MTV) do bà Nguyễn Thị Thanh H làm giám đốc. Tuy nhiên Công ty TNHH - MTV HA được chuyển đổi từ DNTN H và vẫn tiếp tục quản lý toàn bộ tài sản của doanh nghiệp. Việc chuyển đổi loại hình Doanh nghiệp này ông Q không thông báo, không có thỏa thuận giải quyết về khoản nợ đã vay của ông H nên Công ty vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các khoản nợ mà DNTN H đã vay trước đó. Vì vậy ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện S buộc Doanh nghiệp tư nhân HA(nay là Công ty TNHH- MTV HA) phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc vay là 6.800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ khi kết thúc thời hạn vay đến nay cộng lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là $(1.017.000.000đ + 4.483.000.000đ = 5.860.000.000 \text{ đồng})$. Tổng cộng gốc và lãi là 12.660.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 05/06/2019 Công ty TNHH- MTV HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật của công ty trình bày:

Ngày 08/3/2011, ông Nguyễn Anh Q - chủ DNTN H đã vay của vợ chồng ông H số tiền 6.800.000.000 đồng để thanh toán việc mua Khách sạn Đ tại thị trấn S và hẹn đến ngày 08/9/2012 sẽ trả đủ số tiền nói trên.

Đến ngày 14/4/2013, ông Nguyễn Anh Q viết giấy khất nợ đề nghị cho nợ số tiền trên để khi nào bán được Khách sạn H sẽ hoàn trả số tiền trên, hàng tháng sẽ trả 20.000.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng kể từ tháng 5/2013, trên giấy khất nợ có chữ ký cá nhân ông Nguyễn Anh Q.

Quá trình chuyển đổi của DNTN H thành Công ty TNHH MTV HA cụ thể như sau:

+ Ngày 14/3/2013, DNTN H do ông Nguyễn Anh Q là chủ Doanh nghiệp đã tiến hành chuyển đổi thành Công ty TNHH HA với hai thành viên là ông Nguyễn Anh Q và bà Phùng Thúy H. Trong hồ sơ chuyển đổi thì ông Nguyễn Anh Q chỉ xác nhận DNTN tại thời điểm chuyển giao sang Công ty mới chỉ có một khoản vay nợ duy nhất là khoản vay tại Ngân hàng MHB LC(nay là Ngân hàng BIDV tại S) với số tiền 14 tỷ đồng là bù đắp chi phí mua, sửa chữa khách sạn H.

+ Ngày 23/4/2013 Công ty TNHH HA tiếp nhận thêm thành viên mới là bà Nguyễn Thị Thanh H với giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có 3 thành viên: ông Nguyễn Anh Q và bà Phùng Thúy H, bà Nguyễn Thị Thanh H.

+ Ngày 08/9/2013 bà Nguyễn Thị Thanh H đã tiến hành mua lại toàn bộ vốn góp của ông Q và bà H và nộp hồ sơ chuyển thành Công ty TNHH MTV HA. Đến ngày 08/06/2015, Công ty đã được chuyển thành Công ty TNHH MTV HA và đồng thời cũng ký nhận nợ với Ngân hàng BIDV với tên và tư cách nợ của Công ty TNHH MTV HA.

Đơn khởi kiện đòi nợ của ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T không có cơ sở bởi lẽ Công ty TNHH MTV HA không có trách nhiệm đối với khoản nợ do ông Nguyễn Anh Q – chủ Doanh nghiệp tư nhân H vay của ông Phùng Văn H mà bị đơn chính xác phải là ông Nguyễn Anh Q chứ không phải Công ty bởi: Theo quy định tại khoản 1 điều 141 Luật doanh nghiệp 2005 thì: *“Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp”*. Đồng thời theo quy định tại điều 23 nghị định 43/2010/ NĐ –CP ngày 15/04/2010 của chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và điều 36 nghị định 102/2010/NĐ –CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp thì nội dung hồ sơ cũng như điều kiện để chuyển đổi thành công ty TNHH là: *“Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ khi đến hạn”*.

Như vậy, khi DNTN H chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV HA thì chủ Doanh nghiệp tư nhân là ông Nguyễn Anh Q chỉ chuyển giao khoản nợ Ngân hàng MHB LC(nay là Ngân hàng BIDV BH tại S) và ông Q cũng đã có bản cam kết chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ đối với các khoản nợ chưa thanh toán của DNTN H không chuyển giao sang công ty mới. Ông Q cũng không có thỏa thuận với các bên liên quan về việc công ty mới tiếp nhận phải trả khoản vay nợ đối với vợ chồng ông Phùng Văn H. Trong danh sách các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn gửi kèm theo hồ sơ chuyển đổi tại Sở Kế hoạch đầu tư cũng chỉ có khoản vay của

DNTN với Ngân hàng MHB mà thôi. Do đó công ty mới chỉ tiếp nhận và tiếp tục chịu trách nhiệm trả nợ với khoản vay duy nhất của Ngân hàng MHB mà thôi.

Đồng thời với đối tượng không đúng nếu ông H và bà T kiện bắt Công ty tôi phải chịu trách nhiệm tiếp nhận hợp đồng vay tiền này để trả nợ thì căn cứ theo Luật dân sự đã hết thời hạn khởi kiện (kể từ thời điểm khởi kiện lá đơn ban đầu là 2015). Vì vậy tôi không có trách nhiệm trả nợ với khoản vay của ông bà Phùng Văn H trong đơn kiện.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2019 của ông Nguyễn Anh Q trình bày: Năm 2010 mẹ ông là bà Vũ Thị M có ra Ngân hàng MHB Chi nhánh L để đặt vấn đề vay Ngân hàng thì đã gặp ông Phùng Văn H là cán bộ Ngân hàng MHB và đã đặt vấn đề hỏi vay tiền của ông H để mua Khách sạn HA địa chỉ 012, đường T, thị trấn S, tỉnh L (nay là Công ty TNHH một thành viên HA). Ông H đã đồng ý cho ông vay tiền, ông H đã cầm sổ tiền trên chuyển vào tài khoản Doanh nghiệp của ông là DNTN HA và làm ngay thủ tục ủy nhiệm chi trả tiền mua Khách sạn Đ S (nay là Khách sạn HA) rồi ông H đề nghị tôi viết giấy nợ ông H ngay tại Ngân hàng MHB. Trong thời gian sau đó mẹ tôi là bà Vũ Thị M vẫn trả lãi đầy đủ cho ông H đến năm 2012 thì gia đình tôi gặp khó khăn về tài chính nên việc thanh toán tiền bị chậm lại. Cùng thời điểm đó DNTN HA do tôi làm chủ cũng bị khó khăn và chuyển thành Công ty TNHH HA. Tôi đã thông báo cho ông H biết về việc chuyển đổi đó. Tất cả thủ tục chuyển đổi DNTN HA thì hoàn toàn do bà Nguyễn Thị Thanh H tự đi làm thủ tục pháp lý chuyển đổi tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai, tôi đã không nắm được về các thủ tục chuyển đổi mà bà H đi làm thay đổi đăng ký kinh doanh.

Sau khi chuyển đổi từ DNTN HA sang Công ty TNHH một thành viên HA đáng lý ra phải mời ông H tham gia để bàn cách tháo gỡ về khoản nợ nhưng bà H không có ý kiến gì nên tôi ở xa không biết được nội dung gì. Sau này ông H đưa đơn khởi kiện ra Tòa án S thì tôi được biết và cũng đã làm bản tự khai gửi cho Tòa án S và giấy yêu cầu Tòa án xác minh số tiền ông H chuyển vào Ngân hàng MHB nay là Ngân hàng BIDV S để có cơ sở Tòa án giải quyết vụ án dân sự mà ông H khởi kiện.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/08/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào Điều 255; 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T.

Buộc công ty TNHH một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật và là chủ doanh nghiệp đang sở hữu nhà hàng và Khách sạn HA phải trả cho ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T số tiền là

6.800.000.000 đồng. Áp dụng mức lãi xuất chậm thi hành án quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T đòi Công ty TNHH một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật và là chủ doanh nghiệp phải trả số tiền lãi xuất là 5.860.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH một thành viên HA phải chịu 114.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận là 113.860.000 đồng xác nhận ông H bà T đã nộp 57.908.000đ. Ông H bà T phải nộp tiếp 55.952.000 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 14/9/2020 nguyên đơn ông Phùng Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/08/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác khoản tiền lãi xuất là 5.860.000.000đ do thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng vì đại diện công ty là ông Q đã có giấy khát nợ nhưng sau đó không thực hiện là vi phạm điều 474 BLDS 2005 và đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu khoản tiền án phí là 113.860.000 đồng xác nhận ông H bà T đã nộp 57.908.000đ. Ông H bà T phải nộp tiếp 55.952.000 đồng là không đúng. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH.MTV H phải trả tiền gốc 6.800.000.000đ và tiền lãi 5.860.000.000đ và hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Ngày 07/9/2020 bị đơn kháng cáo nội dung đề nghị sửa bản án do xác định không đúng tư cách bị đơn và sai về quan hệ pháp luật giải quyết, số tiền nợ của ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T cho ông Nguyễn Anh Q vay là vay cá nhân vì trong suốt quá trình liên kết và bán cổ phần góp vốn ông Q không kê khai và bàn giao số nợ này là của công ty, kể cả khi từ DNTN đổi thành Công ty TNHH.MTV, hai thành viên cho đến nay, ông Q còn cam kết khi chuyển nhượng cổ phần bán khách sạn H không nợ nghĩa vụ nào khác ngoài số nợ Ngân hàng BIDV tại S là của Công ty. Do vậy đề nghị Tòa án tỉnh Lào Cai sửa bản án số 02/2020/DS-ST ngày 25/08/2020 bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH MTV H là bị đơn phải trả 6.800.000.000 đồng, xác định lại bị đơn để trả nợ cho nguyên đơn theo quy định.

Ngày 08/9/2020 Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S kháng nghị số 360/QĐKNPT-VKS.DS đề nghị Tòa án tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/08/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai do có vi phạm tố tụng trong việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho các đương sự; Việc đánh giá chứng cứ buộc Công ty TNHH.MTV HA là bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ là 6.800.000.000đ cho ông Hiếu, bà T là chưa chính xác. Đề nghị xét xử lại bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu

khởi của nguyên đơn. Xác định lại bị đơn, tư cách người tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 560/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/9/2020 của VKSND thị xã S. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV HA, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn H. Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của TAND thị xã S theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T về buộc Công ty TNHH MTV HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật và là chủ doanh nghiệp phải trả toàn bộ số tiền gốc là 6.800.000.000 đồng và tiền lãi xuất là 5.860.000.000 đồng. Đề nghị tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện tại phiên Tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của VKSND Thị xã S đều thể hiện đầy đủ các nội dung kháng cáo, kháng nghị và được nộp hợp lệ trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Đơn khởi kiện của ông Phùng Văn H, bà Đỗ Thị Quỳnh T yêu cầu Tòa án thị xã S giải quyết buộc bị đơn là Công ty TNHH.MTV HA có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ do ông Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay ngày 08/03/2011, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã S, tỉnh Lào Cai, TAND thị xã S thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xác định số tiền vay khi giải quyết:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng ngày 08/3/2011 ông Phùng Văn H có thỏa thuận cho ông Nguyễn Anh Q là Giám đốc DNTN H ký tên vay số tiền 6.800.000.000 đồng để thanh toán nợ mua khách sạn Đ, thời hạn trả tiền là 08/9/2012 lãi xuất trả do hai bên thỏa thuận. Khi đến thời hạn trả ông H nhiều lần yêu cầu nhưng ông Q đã không trả tiền đúng theo như thỏa thuận, ngày 14/3/2013 ông Q viết giấy khất nợ ông H đồng thời ông Q giám

độc DNTN H chuyển đổi thành Công ty TNHH HA với hai thành viên là ông Nguyễn Anh Q và bà Phùng Thúy H. Đến ngày 23/4/2013 Công ty TNHH HA tiếp nhận thêm thành viên mới là bà Nguyễn Thị Thanh H. Đến ngày 08/9/2013 bà H đã mua lại toàn bộ vốn góp của ông Q và bà H rồi chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H làm giám đốc. Quá trình giải quyết nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Q xác định số tiền nợ gốc 6.800.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Như vậy số tiền nợ này do các bên đã thừa nhận nên không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét kháng cáo của các bên đương sự và kháng nghị của VKSND.

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về tư cách tố tụng và nghĩa vụ trả nợ:

Trong giai đoạn thụ lý tại cấp phúc thẩm bị đơn giao nộp bổ sung các tài liệu gồm các bản phô tô: 01 Bản án KDTM – PT ngày 07/3/2018; 01 Quyết định rút kháng nghị Giám đốc thẩm ngày 20/11/2019; 01 Quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm ngày 17/02/2020 và 03 văn bản, công văn đốc nợ của Ngân hàng MHB thời điểm từ tháng 02 - 6/2013.

Nguyên đơn tại phiên tòa ngày 25/01/2021 xuất trình tài liệu là các bản phô tô: 01 Bản án DS – PT ngày 09/01/2018; Giấy nhận đơn số 972 ngày 26/10/2015; đơn khởi kiện tại Tòa án S 28/10/2015, bản Vi bằng ghi ý kiến ông Q.

Qua các tài liệu do các đương sự giao nộp và Tòa án sơ thẩm thu thập được có trong hồ sơ và kết quả đối chất tại phiên tòa cho thấy. Ngày 08/3/2011 khi ông Phùng Văn H cho ông Nguyễn Anh Q đang là chủ doanh nghiệp tư nhân vay là 6.800 000 000đ các bên thừa nhận. Nội dung thỏa thuận vay tiền là để mua khách sạn Đ kinh doanh theo lĩnh vực DNTN đăng ký. Đến ngày 14/3/2013, DNTN H do ông Nguyễn Anh Q là chủ Doanh nghiệp đã tiến hành chuyển đổi thành Công ty TNHH HA với hai thành viên là ông Q và bà Phùng Thúy H góp vốn (số nợ này ông Q vẫn chỉ xác nhận DNTN tại thời điểm chuyển giao sang Công ty mới chỉ có 1 khoản vay nợ duy nhất là 14 tỷ đồng khoản vay tại Ngân hàng MHB LC nay là Ngân hàng BIDV tại S nên cũng không đưa vào theo dõi tài chính và nợ Doanh nghiệp). Tiếp đến ngày 23/04/2013 ông Q đổi tên thành Công ty TNHH HA hai thành viên tăng vốn điều lệ từ 2 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng và tăng thành viên góp vốn gồm 3 người: ông Q, bà H, bà Nguyễn Thị Thanh H trong đó bà H góp vốn 3 tỷ đồng (số nợ này ông Q cũng không kê khai vào nợ Doanh nghiệp nên cũng không chuyển giao bà H biết). Đến ngày 08/9/2013 bà H đã mua lại toàn bộ vốn góp của ông Q và bà H (vợ ông Q) với số vốn góp là 2.000.000.000đ và số nợ 14 tỷ nợ của Ngân hàng BIDV rồi đổi tên thành Công ty TNHH MTV HA. Đến Ngày 08/06/2015 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần cuối vào ngày 31/03/2017 cho Công ty TNHH MTV HA, người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thanh H là Giám đốc. Như vậy việc chuyển đổi loại hình Doanh nghiệp là đảm bảo theo quy định tại

Điều 24; 145 Luật Doanh nghiệp và Điều 31; 32; 36 nghị định 102/2010/CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ; Bà H đã ký nhận các nghĩa vụ nợ với Ngân hàng BIDV với tư cách nợ cũ của Công ty TNHH.HTV HA do ông Q làm giám đốc chuyển giao cho Công ty TNHH MTV HA theo đúng số liệu kê khai doanh nghiệp khi pháp nhân chuyển nhượng. Tại hồ sơ chuyển nhượng ông Q cam kết Doanh nghiệp không còn nghĩa vụ nợ nào khác liên quan. Quá trình hoạt động kinh doanh từ DNTN đến Công ty TNHH HTV rồi chuyển nhượng và đổi Công ty TNHH MTV, ông Q đều không khai báo số tiền nợ của ông H trong hệ thống sổ sách tài chính của Doanh nghiệp tư nhân ngoài khoản nợ 14 tỷ đồng của Ngân hàng BIDV theo quy định của pháp luật. Tại các bút lục số; 10; 84 đến 103; 113 đến 130 và 201; 204 có trong hồ sơ ông Q còn cam kết Doanh nghiệp không còn khoản nợ nghĩa vụ nào khác liên quan tài sản doanh nghiệp tại thời điểm kê cả trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty giữa ông Q, bà H với bà H (bán khách sạn).

Theo quy định tại khoản 3 điểm c, đ Điều 23 Nghị định 43/2010/CP ngày 15/4/2010 và Điều 20 khoản 3; Điều 31 khoản 3; điều 32; 36 nghị định 102/2010 ngày 01/10/2010 của Chính phủ. Trước khi cho chuyển đổi Doanh nghiệp và chuyển nhượng vốn Doanh nghiệp, tại cơ quan cấp phép Doanh nghiệp các bên phải kê khai nghĩa vụ tài chính doanh nghiệp để minh bạch việc xử lý nợ trước khi cho chuyển nhượng cấp giấy. Ông Q đang là Giám đốc Công ty TNHH- HTV H đã cam kết Doanh nghiệp không còn khoản nợ nghĩa vụ nào khác, ngoài khoản nợ Ngân hàng BIDV. Ông Q cam kết với ông H khi nào bán khách sạn sẽ trả tiền và không kê khai vào hệ thống sổ hạch toán nợ doanh nghiệp trong suốt quá trình kinh doanh từ năm 2011 đến khi chuyển nhượng. Ông Q trực tiếp nhận 2 tỷ đồng do bà H thanh toán (vụ án kiện V/v “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng góp vốn và hợp đồng chuyển nhượng vốn góp*” giữa ông Q và bà H được xét xử; Bản án số 01/2018/KDTM-PT ngày 07/3/2018 của TAND tỉnh L đã có hiệu lực pháp luật) nhưng ông Q vẫn không trả số nợ cho ông H như cam kết với ông H ngày 14/4/2013. Theo điểm c khoản 1 Điều 36 Nghị định 102/2010/ CP ngày 01/10/2010 thì “*Chủ DNTN cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của Doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn*”.

Từ đánh giá phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định khoản vay 6.800.000.000đ khi ông Q là giám đốc DNTN HA là số nợ không thuộc về trách nhiệm của Công ty TNHH-MTV HA sau chuyển đổi, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH MTV HA là bị đơn và buộc phải thực hiện thanh toán nợ trên cho ông H là chưa chính xác. Do vậy cần sửa và bác yêu cầu này để ông H và bà T xác định lại tư cách bị đơn và giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4.2] Xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân:

- Đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm do có vi phạm tố tụng trong việc tổng đạt văn bản tố tụng. Về yêu cầu này, tại bản kháng nghị VKSND cũng đã nêu do ông Nguyễn Anh Q không hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó việc cấp và tổng đạt văn bản tố tụng gặp nhiều trở ngại và chưa đảm bảo về trình tự tổng

đạt và khi niêm yết cho đương sự. Tuy nhiên tại trang 5, 6 trong kháng nghị số 360 của VKSND thừa nhận do quyết định của bản án sơ thẩm không ảnh hưởng quyền lợi của ông Q nên không cần thiết phải hủy bản án và chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND tỉnh đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

- Đối với yêu cầu về đánh giá chứng cứ và xác định lại tư cách bị đơn về việc buộc Công ty TNHH MTV H trả tiền nợ cho ông H và bà T là không đúng.

Yêu cầu này trùng lặp với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đã được đánh giá, phân tích phần trên, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng nghị số 360/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/9/2020 của VKSND thị xã S, Lào Cai đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án là có căn cứ cần chấp nhận như đã đánh giá tại mục [4,1] Bác yêu cầu và kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc công ty TNHH Một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là chủ doanh nghiệp đang sở hữu nhà hàng và Khách sạn HA phải trả cho ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T số tiền là 6.800.000.000 đồng. Việc xác định lại tư cách bị đơn và yêu cầu kiện đòi lại số tiền của nguyên đơn khi cho ông Q vay được thực hiện theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[4.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng Bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/08/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bác yêu cầu khoản tiền lãi xuất là 5.860.000.000 đồng của ông Phùng Văn H và bà T do thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng và đề nghị hoàn trả lại án phí. Yêu cầu này như đã phân tích, đánh giá tại mục [4.1] và [4.2], do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận (do xác định không đúng tư cách bị đơn) nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Cũng từ lý do trên nên phần án phí giá ngạch bị bác ông H đề nghị hoàn trả lại là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở bác đề nghị khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV HA và ý kiến đề nghị kháng nghị của VKSND thị xã S, tỉnh Lào Cai. Chấp nhận lời đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Lào Cai tại phiên tòa về việc sửa lại quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm nợ của bị đơn và phần án phí để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[5] Về án phí phúc thẩm dân sự: Do bản án sơ thẩm dân sự bị sửa nên các bên đương sự không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn và bị đơn số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo quy định.

[6] Về án phí sơ thẩm dân sự: Do ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T bị bác yêu cầu khởi kiện, không được chấp nhận kháng cáo nên buộc ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là đúng. Tuy nhiên theo quy định tại điểm e mục 1.4 phần II của danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 cấp sơ thẩm tính án phí của số tiền khởi kiện trước khi hòa giải là chưa đúng (tổng số tiền yêu cầu là 12.660.000.000đ nhưng án phí là 114.800.000đ là chưa đúng mà phải là 120.660.000đ) cần sửa lại và chấp

nhận Kháng cáo của Công ty TNHH MTV HA được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh H chủ doanh nghiệp không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 147; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 24; 41; 43; 44; 145 Luật Doanh nghiệp 2005 sửa đổi 2013 và điểm c, đ khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2010/CP ngày 15/4/2010 và khoản 3 Điều 20; khoản 3 Điều 31; Điều 32; Điều 36 Nghị định 102/2010/CP ngày 01/10/2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là chủ Doanh nghiệp và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T về việc: Buộc Công ty TNHH một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật và là chủ doanh nghiệp đang sở hữu nhà hàng và Khách sạn HA phải trả cho ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T số tiền là 6.800.000.000 đồng (*Sáu tỉ tám trăm triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T đòi Công ty TNHH một thành viên HA do bà Nguyễn Thị Thanh H là người đại diện theo pháp luật và là chủ doanh nghiệp phải trả số tiền lãi xuất là 5.860.000.000 đồng (*Năm tỉ tám trăm sáu mươi triệu đồng*).

3. Về án phí phúc thẩm dân sự: Công ty TNHH một thành viên HA; Ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH một thành viên HA 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AC/2012/0000910 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án thị xã S, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị Quỳnh T phải chịu 120.660.000 (*Một trăm hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông H bà T đã nộp 57.908.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0000866 ngày 06/12/2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AC/2012/0000909 ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tổng cộng ông H và bà T đã nộp 58.208.000đ. Nay ông H bà T còn phải nộp tiếp là 62.452.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh L(2);
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài